

Số: 134/2021/QĐST-HNGĐ

Phổ Yên, ngày 16 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Q, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Xóm A, xã HT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Ông Dương Công Đ, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Xóm A, xã HT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Dương Công Đ1, sinh năm 1990;

- Anh Dương Công Đ2, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ : Xóm A, xã HT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2021;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đoàn Thị Q và ông Dương Công Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Q và ông Dương Công Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Đoàn Thị Q và ông Dương Công Đ đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Dương Công Đ1, sinh năm 1990; Dương Công Đ2, sinh năm 1992. Nay ly hôn các con đã trưởng thành muốn ở với ai thì tùy các cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị Q và ông Dương Công Đ, anh Dương Công Đ1, anh Dương Công Đ2 nhất trí thoả thuận như sau:

- Giao cho bà Đoàn Thị Q được quyền sử dụng: Thửa số 904, tờ bản đồ số 26, diện tích 410 m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn. Vị trí các thửa đất tại xóm A, xã HT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có sơ đồ đo đất kèm theo) và được quyền sử dụng, sở hữu toàn bộ công trình trên đất gồm: 01 nhà xây D220 mái lợp Proximang có gác xép diện tích 84m², 01 cổng xen hoa diện tích 4,84m², 01 tường xây gạch chỉ D110, 01 công trình phụ đã xuống cấp (toàn bộ công trình đã hỏng nát hết khẩu hao, không tính giá trị tài sản), 01 cây mít, 03 cây xoan, 01 cây lộc vừng, 01 cây xoài, 01 cây sấu, 15 cây chuối, 01 cây nhãn (tổng trị giá tài sản trên là 212.117.000đồng).

+ Về đất canh tác: Giao cho bà Đoàn Thị Q được quyền sử dụng: thửa 295, diện tích 220 m²; thửa 296, diện tích 460 m²; thửa 420, diện tích 290 m², thửa 423 diện tích 260m² và thửa đất 490 diện tích 130 m². Vị trí các thửa đất tại xóm A, xã HT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có sơ đồ đo đất kèm theo). (tổng trị giá là 9.751.230đồng).

+ Giao cho bà Q được quyền sử dụng, sở hữu: 01 sổ tiết kiệm đứng tên Đoàn Thị Q số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) gửi ở Ngân hàng Nông nghiệp BK.

- Giao cho Ông Dương Công Đ được quyền sử dụng: thửa số 2250, tờ bản đồ số 26, diện tích 220m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn (trong đó có 43,8 m² thuộc hành lang giao thông) vị trí thửa đất tại xóm A, xã HT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có sơ đồ đo đất kèm theo) và được quyền sử dụng, sở hữu: 01 nhà 2 tầng mái lợp tôn tường xây gạch chỉ D220 khung bê tông cốt thép diện tích 93,6m²; 01 quán mái lợp tôn tường xây gạch chỉ D110 diện tích 45,15 m² được làm trên thửa đất số 2250 (tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 1.706.143.000đồng).

+ Giao cho ông Đ được quyền sử dụng, sở hữu: 01 Sổ tiết kiệm mang tên Dương Công Đ ở ngân hàng VietinBank - Chi nhánh PY số tiền 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng).

- Giao cho anh Dương Công Đ1 được quyền sử dụng, sở hữu: 01 sổ tiết kiệm đứng tên Dương Công Đ1 số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) gửi ở ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh PY;

- Giao cho anh Dương Công Đ2 được quyền sử dụng, sở hữu: 01 Sổ tiết kiệm mang tên Dương Công Đ2 số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) gửi ở ngân hàng Nông nghiệp – Chi nhánh PY.

- Ông Dương Công Đ có trách nhiệm trích chia tài sản cho anh Dương Công Đ1 số tiền 295.000.000đồng (hai trăm chín mươi năm triệu đồng).

- Ông Dương Công Đ có trách nhiệm trích chia tài sản cho anh Dương Công Đ2 số tiền 195.000.000đồng (một trăm chín mươi năm triệu đồng).

- Ông Dương Công Đ có trách nhiệm trích chia tài sản cho bà Đoàn Thị Q số tiền 330.000.000đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

Bà Q, anh Đ1, anh Đ2 được quyền sử dụng, sở hữu số tiền do ông Đ trích chia.

Thời hạn ông Dương Công Đ phải trả tiền số tiền trên cho bà Q, anh Đ1, anh Đ2 là ngày 06/08/2022 (dương lịch).

Ông Đ, bà Q, anh Đ1, anh Đ2 thống nhất thỏa thuận không tính lãi suất chậm trả nếu ông Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên cho bà Q, anh Đ1 và anh Đ2.

Đối với phần tài sản trong nhà bà Q, ông Đ, anh Đ1 và anh Đ 2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về Nợ chung: Không có.

2.5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đo đất và định giá tài sản bà Q đã tự nguyện chi phí xong và không yêu cầu giải quyết.

2.6. Về án phí: Bà Đoàn Thị Q, ông Dương Công Đ thống nhất thỏa thuận: bà Q chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung quỹ Nhà nước.

- Án phí tài sản có giá ngạch: Bà Đoàn Thị Q, ông Dương Công Đ, anh Dương Công Đ1 và anh Dương Công Đ2 thống nhất thỏa thuận chịu án phí tài sản có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước tương ứng với phần tài sản được phân chia cụ thể: Đối với bà Q: phần trị giá tài sản + số tiền gửi tiết kiệm + số tiền ông Đ trích chia tài sản cho bà Q có tổng trị giá là 621.868.230đồng (= 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng) : 2 = 14.437.364đồng (mười bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng) được trừ vào số tiền 15.000.000đồng (mười năm triệu đồng) tạm ứng án phí bà Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã PY tại biên lai số 0005056 ngày 07/12/2020. Hoàn trả lại cho bà Q 412.636đồng (bốn trăm mười hai nghìn sáu trăm

ba sáu đồng) tiền tạm ứng án phí.

- Đối với ông Dương Công Đ được phân chia tài sản có tổng trị giá là: 2.206.143.000đồng (hai tỷ hai trăm linh sáu triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) trừ đi phần ông Đ phải có trách nhiệm trích cho bà Q, anh Đ1, anh Đ2 là 820.000.000đồng (tám trăm hai mươi triệu đồng) còn lại là 1.386.143.000đồng (36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng) : 2 = 26.792.145đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn một trăm bốn năm đồng).

- Đối với anh Dương Công Đ1 được phân chia trị giá tài sản là: 365.000.000đồng (365.000.000đồng x 5 %) : 2 = 9.125.000đồng (chín triệu một trăm hai mươi năm nghìn đồng).

- Đối với anh Dương Công Đ2 được phân chia trị giá tài sản là: 265.000.000đồng (265.000.000đồng x 5 %) : 2 = 6.625.000đồng (sáu triệu sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã PY;
- THADS thị xã PY;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã HT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy